

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 522 /2025/DS-PT
Ngày: 29-09-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị H2 Hà

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - V) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 456/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh Thuý**, sinh năm 1975. Địa chỉ: khóm M, thị trấn Ô, huyện Ô, tỉnh V (nay là khóm M, xã Ô, tỉnh V)(có mặt).

, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khóm Đục Đông, xã T, huyện Ô, tỉnh V (nay là khóm D, xã Ô, tỉnh V) (có mặt).

2/ Bị đơn: - Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1971.

- Bà **Mai Thị Cẩm H2**, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm M, thị trấn Ô, huyện Ô, tỉnh V (nay là khóm M, xã Ô, tỉnh V)(có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1 có: Bà **Mai Thị Cẩm H2**, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: khóm M, thị trấn Ô, huyện Ô, tỉnh V (nay là khóm M, xã Ô, tỉnh V).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Mai Thị Cẩm H2 .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà T1 có tham gia 04 dây hội do bà Mai Thị Cẩm H2 và ông Nguyễn Văn H1 làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1, loại hội mùa, mở ngày 08/4/2020 âm lịch, hội 5.000.000đ, một năm khai 03 lần, huê H2 cho đầu thảo là 2.500.000đ, hội có 15 phần, bà Thuý tham gia 01 phần, bà Thuý đã kêu hội và lĩnh hội xong. Hội đã tổ chức khai hội được 09 lần và bà Thuý đã đóng tiền hội đầy đủ cho bà H2, đến lần thứ 10 thì bà H2 tuyên bố bế hội nên không tổ chức khai hội, hội còn 6 phần chưa khai.

Số tiền bà Thuý còn phải đóng tiền hội cho bà H2 của dây hội này là $5.000.000\text{đ}/\text{phần} \times 6 \text{ phần chưa hết} = 30.000.000\text{đ}$.

Dây hội thứ 2, loại hội mùa, mở ngày 08/4/2020 âm lịch, hội 5.000.000đ, một năm khai 03 lần, huê H2 cho đầu thảo là 2.500.000đ, hội có 15 phần, bà Thuý tham gia 01 phần và chưa hết hội. Hội đã tổ chức khai hội được 09 lần và bà Thuý đóng tiền hội đầy đủ cho bà H2, đến lần thứ 10 thì bà H2 tuyên bố bế hội nên không tổ chức khai hội, hội còn 6 phần chưa khai.

Do dây hội này bà Thuý đã đóng tiền hội đầy đủ nên số tiền bà Thuý yêu cầu trả khi bế hội là $5.000.000\text{đ}/\text{phần} \times 09 \text{ lần hội đã khai} = 45.000.000\text{đ}$.

Dây hội thứ 3, loại hội tháng, mở ngày 30/10/2022 âm lịch, hội 500.000đ, một tháng khai 02 lần, huê H2 cho đầu thảo là 250.000đ, hội có 21 phần, bà Thuý tham gia 02 phần và đều chưa hết hội. Hội đã tổ chức khai hội được 09 lần và bà Thuý đã đóng tiền hội đầy đủ cho bà H2, đến lần thứ 10 thì bà H2 tuyên bố bế hội nên không tổ chức khai hội, hội còn 12 phần chưa khai.

Do dây hội này bà Thuý đã đóng tiền hội đầy đủ nên số tiền bà Thuý yêu cầu trả khi bế hội là $500.000\text{đ}/\text{phần} \times 9 \text{ lần hội đã khai} \times 02 \text{ phần} = 9.000.000\text{đ}$.

Dây hội thứ 4, loại hội tháng, mở ngày 30/10/2022 âm lịch, hội 500.000đ, một tháng khai 02 lần, huê H2 cho đầu thảo là 250.000đ, hội có 21 phần, bà Thuý tham gia 02 phần và đều chưa hết hội. Hội đã tổ chức khai hội được 09 lần và bà Thuý đã đóng tiền hội đầy đủ cho bà H2, đến lần thứ 10 thì bà H2 tuyên bố bế hội nên không tổ chức khai hội, hội còn 12 phần chưa khai.

Do dây hội này bà Thuý đã đóng tiền hội đầy đủ nên số tiền chị Thuý yêu cầu trả khi bế hội là $500.000\text{đ}/\text{phần} \times 9 \text{ lần hội đã khai} \times 02 \text{ phần} = 9.000.000\text{đ}$.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/12/2024, bà T1 yêu cầu bà H2 và ông H1 liên đới trả bà T1 số tiền nợ hội của dây hội thứ 2, 3, 4 với số tiền 63.000.000đ và

tự nguyện khấu trừ vào số tiền nợ hui của bà Thuý đối với bà H2 của dây hui số 1 là 30.000.000đ. Còn lại 33.000.000đ yêu cầu bà H2 và H1 trả.

Bị đơn bà Mai Thị Cẩm H2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn H1 trình bày:

Bà H2 thống nhất với trình bày của nguyên đơn về dây hui, loại hui và số lượng thành viên tham gia hui, số tiền hui bà H2 nợ của bà Thuý ở dây hui số 2, 3, 4 và số tiền hui bà Thuý nợ bà H2 ở dây hui 1 là đúng.

Danh sách hui là do bà H2 viết, người tên H1, 6 H1 là tên của CH2 bà H2 là ông Nguyễn Văn H1. Tổ chức khui hui tại nhà bà H2, không tổ chức nơi nào khác. Ông H1 không biết việc bà H2 tổ chức chơi hui, khi tổ chức khui hui thì ông H1 không có chứng kiến.

Đối với phần hui bà Thuý tham gia thì bà Thuý đóng tiền hui đầy đủ, không có nợ tiền hui. Bà H2 gồm tiền hui tại nhà của bà Thuý. Bà H2 xác định xác định các dây hui số 1, 2, 3, 4 đã ngừng hui từ khi bà tuyên bố bế hui đến nay; bà H2 thống nhất số tiền nợ hui của bà Thuý đối với bà của dây hui số 1 là 30.000.000đ; thừa nhận số tiền hui bà Thuý đã đóng của dây hui số 2 là 23.600.000đ, của dây hui số 3 là 6.100.000đ, của dây hui số 4 là 6.140.000đ và bà H2 chỉ đồng ý trả lại số tiền bà Thuý đã đóng cho bà Thuý

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – V) đã đưa vụ án ra xét xử. *Tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ô đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Thuý. Buộc bà Mai Thị Cẩm H2 và ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị Thanh Thuý số tiền nợ hui là 29.516.200đ (hai mươi chín triệu năm trăm mười sáu ngàn hai trăm đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Thuý về yêu cầu bà Mai Thị Cẩm H2 và ông Nguyễn Văn H1 trả số tiền nợ hui còn lại là 3.483.800đ (ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn tám trăm đồng).

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/7/2025 bị đơn bà Mai Thị Cẩm H2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà Mai Thị Cẩm H2 chỉ đồng ý trả bà Nguyễn Thị Thanh Thuý số tiền 35.840.000đ (ba mươi lăm tám trăm bốn mươi ngàn đồng) trong 03 dây hui bà Thuý chưa hót và yêu cầu khấu trừ vào số tiền bà Thuý phải trả lại cho bà H2 trong dây hui bà Thuý đã hót là 30.000.000đ, còn lại 5.840.000đ bà H2 đồng ý trả lại cho bà Thuý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Mai Thị Cẩm H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chỉ đồng ý trả bà Nguyễn Thị Thanh Thuý trong 03 dây hụi số tiền 35.840.000đ (ba mươi lăm tám trăm bốn mươi ngàn đồng) và yêu cầu khấu trừ vào số tiền bà Thuý phải trả lại cho bà H2 trong dây hụi bà Thuý đã hốt là 30.000.000đ, còn lại bà H2 chỉ đồng ý 5.840.000đ trả lại cho bà Thuý.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 không đồng ý với kháng cáo của bà Mai Thị Cẩm H2 và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Cẩm H2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - V).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của các đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được làm đúng theo quy định, trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về Nội dung: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 là hụi viên có tham gia 04 dây hụi do bà Mai Thị Cẩm H2 làm chủ. Quá trình tham gia hụi, khai hụi được 09 lần thì bà H2 tuyên bố bế hụi. Trong 04 dây hụi thì bà T1 đã hốt dây 1 còn nợ lại bà H2 30.000.000 đồng, còn 03 dây hụi còn lại bà H2 thiếu bà T1 63.000.000 đồng. Nên bà T1 khởi kiện yêu cầu bà H2, ông H1 trả lại 33.000.000 đồng sau khi khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng trong dây hụi 1. Bị đơn bà H2 thừa nhận bà T1 có tham gia chơi hụi số phần, kỳ khai hụi và số tiền khai như bà T1 trình bày, tại biên bản hòa giải ngày 29/02/2025 bà H2 đồng ý trả bà T1 số tiền còn lại 33.000.000 đồng sau khi trừ dây hụi 1 nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà H2 cho rằng bà T1 chỉ đóng hụi của dây 2,3,4 là 35.840.000 đồng (trong đó số tiền đóng hụi của dây hụi số 2 là 23.600.000đ, của dây hụi số 3 là 6.100.000đ, của dây hụi số 4 là 6.140.000đ) và bà H2 chỉ đồng ý trả lại số tiền bà Thuý số tiền còn lại là 5.840.000 đồng sau khi trừ dây hụi 1.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Cẩm H2:

Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2025 tòa phiên tòa sơ thẩm bà H2 thừa nhận bà T1 có tham gia chơi hụi về dây hụi, loại hụi và số lượng thành viên tham gia hụi, số tiền hụi bà H2 nợ của bà Thuý ở dây hụi số 2, 3, 4 và số tiền hụi bà Thuý nợ bà H2 ở dây hụi 1 là đúng, bà H2 đồng ý trả bà T1 33.000.000 đồng sau khi khấu trừ số tiền thiếu của dây hụi 1. Lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà T1 là có căn cứ.

Tuy nhiên, số tiền bà T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 63.000.000 đồng đã bao gồm cả số tiền vốn hụi góp và lãi hụi, do số tiền lãi hụi các bên không thống nhất nên đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi hụi là phần lãi 20%/năm (1,66%/tháng). Cụ thể như sau:

1/ *Dây hụi thứ 1*, mở ngày 08/4/2020 âm lịch (ngày 30/4/2020 dương lịch), loại hụi mùa, hụi 5.000.000đ, một năm khui 03 lần, huê H2 cho đầu thảo là 2.500.000đ, hụi có 15 phần, bà Thuý tham gia 01 phần và bà Thuý đã hốt hụi. Dây hụi đã tổ chức khui được 09 lần, đến lần thứ 10 bà H2 tuyên bố bẻ hụi. Trong dây hụi này bà Thuý và bà H2 thỏa thuận số tiền hụi bà Thuý còn nợ là 30.000.000đ.

2/ *Dây hụi thứ 2*, mở ngày 08/4/2020 âm lịch (ngày 30/4/2020 dương lịch), loại hụi mùa, hụi 5.000.000đ, một năm khui 03 lần, huê H2 cho đầu thảo là 2.500.000đ, hụi có 15 phần, bà Thuý tham gia 01 phần và chưa hốt hụi. Dây hụi đã tổ chức khui được 09 lần, đến lần thứ 10 bà H2 tuyên bố bẻ hụi. Số tiền gốc và lãi bà H2 có nghĩa vụ trả lại cho bà Thuý, cụ thể như sau:

Lần khui hụi thứ 1, số tiền bà Thuý đã đóng là 2.700.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $2.700.000đ \times 1,66\%/tháng \times 62$ tháng (từ ngày 30/4/2020 đến ngày 30/6/2025) = 2.778.840đ; tổng cộng là 5.478.840đ.

Lần khui hụi thứ 2, số tiền bà Thuý đã đóng là 2.150.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $2.150.000đ \times 1,66\%/tháng \times 58$ tháng (từ 30/8/2020 đến ngày 30/6/2025) = 2.070.020đ; tổng cộng là 4.220.020đ.

Lần khui thứ 3, số tiền bà Thuý đã đóng là 3.000.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $3.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 54$ tháng (từ 30/12/2020 đến ngày 30/6/2025) = 2.689.200đ; tổng cộng là 5.689.200đ.

Lần khui thứ 4, số tiền bà Thuý đã đóng là 1.700.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.700.000đ \times 1,66\%/tháng \times 50$ tháng (từ 30/4/2021 đến ngày 30/6/2025) = 1.411.000; tổng cộng là 3.111.000đ.

Lần khui thứ 5, số tiền bà Thuý đã đóng là 2.650.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $2.650.000đ \times 1,66\%/tháng \times 46$ tháng (từ 30/8/2021 đến ngày 30/6/2025) = 2.023.540đ; tổng cộng là 4.673.540đ.

Lần khui thứ 6, số tiền bà Thuý đã đóng là 3.000.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $3.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 42$ tháng (từ 30/12/2021 đến ngày 30/6/2025) = 2.091.600; tổng cộng là 5.091.600đ.

Lần khai thứ 7, số tiền bà Thuý đã đóng là 2.900.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $2.900.000đ \times 1,66\%/tháng \times 38$ tháng (từ 30/4/2022 đến ngày 30/6/2025) = 1.820.320; tổng cộng là 4.720.320đ.

Lần khai thứ 8, số tiền bà Thuý đã đóng là 2.600.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $2.600.000đ \times 1,66\%/tháng \times 34$ tháng (từ 30/8/2022 đến ngày 30/6/2025) = 1.467.440đ; tổng cộng là 4.067.440đ.

Lần khai thứ 9, số tiền bà Thuý đã đóng là 2.900.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $2.900.000đ \times 1,66\%/tháng \times 30$ tháng (từ 30/12/2022 đến ngày 30/6/2025) = 1.444.200; tổng cộng là 4.344.200đ.

Tổng cộng gốc lãi bà H2 có nghĩa vụ trả bà Thuý trong đây hội này là 41.396.160đ.

3/ *Dây hội thứ 3*, mở ngày 30/10/2022 âm lịch (ngày 26/11/2022 dương lịch), loại hội tháng, hội 500.000đ, một tháng khai 02 lần, huê H2 cho đầu thảo là 250.000đ, hội có 21 phần, bà Thuý tham gia 02 phần và đều chưa hót hội. Dây hội đã tổ chức khai hội được 10 lần, sau đó bà H2 tuyên bố bế hội. Số tiền gốc lãi bà H2 có nghĩa vụ trả lại cho bà Thuý, cụ thể như sau:

Lần khai thứ 1 và 2, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.200.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.200.000đ \times 1,66\%/tháng \times 31$ tháng (từ ngày 26/11/2022 đến ngày 30/6/2025) = 617.520đ; tổng cộng là 1.817.520đ.

Lần khai thứ 3 và 4, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.180.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.180.000đ \times 1,66\%/tháng \times 30$ tháng (từ ngày 26/12/2022 đến ngày 30/6/2025) = 587.640đ; tổng cộng là 1.767.640đ.

Lần khai thứ 5 và 6, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.300.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.300.000đ \times 1,66\%/tháng \times 29$ tháng (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 30/6/2025) = 625.820đ; tổng cộng là 1.925.820đ.

Lần khai thứ 7 và 8, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.120.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.120.000đ \times 1,66\%/tháng \times 28$ tháng (từ ngày 26/02/2023 đến ngày 30/6/2025) = 520.576đ; tổng cộng là 1.640.576đ.

Lần khai thứ 9 và 10, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.300.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.300.000đ \times 1,66\%/tháng \times 27$ tháng (từ ngày 26/3/2023 đến ngày 30/6/2025) = 582.660đ; tổng cộng là 1.882.660đ.

Tổng cộng gốc lãi bà H2 có nghĩa vụ trả bà Thuý trong đây hội này là 9.034.216đ.

4/ *Dây hội thứ 4*, mở ngày 30/10/2022 âm lịch (ngày 26/11/2022 dương lịch), loại hội tháng, hội 500.000đ, một tháng khai 02 lần, huê H2 cho đầu thảo là 250.000đ, hội có 21 phần, bà Thuý tham gia 02 phần và đều chưa hót hội. Dây hội đã tổ chức khai hội được 10 lần, sau đó bà H2 tuyên bố bế hội. Số tiền gốc lãi bà H2 có nghĩa vụ trả lại bà Thuý, cụ thể như sau:

Lần khai thứ 1 và 2, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.180.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.180.000đ \times 1,66\%/tháng \times 31$ tháng (từ ngày 26/11/2022 đến ngày 30/6/2025) = 607.228đ; tổng cộng là 1.787.228đ.

Lần khai thứ 3 và 4, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.080.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.080.000đ \times 1,66\%/tháng \times 30$ tháng (từ ngày 26/12/2022 đến ngày 30/6/2025) = 537.840đ; tổng cộng là 1.617.840đ.

Lần khai thứ 5 và 6, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.140.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.140.000đ \times 1,66\%/tháng \times 29$ tháng (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 30/6/2025) = 548.796đ; tổng cộng là 1.688.796đ.

Lần khai thứ 7 và 8, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.440.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.440.000đ \times 1,66\%/tháng \times 28$ tháng (từ ngày 26/02/2023 đến ngày 30/6/2025) = 669.312đ; tổng cộng là 2.109.312đ.

Lần khai thứ 9 và 10, số tiền bà Thuý đã đóng của 02 phần hội tham gia là 1.300.000đ; tiền lãi bà Thuý được trả là $1.300.000đ \times 1,66\%/tháng \times 27$ tháng (từ ngày 26/3/2023 đến ngày 30/6/2025) = 582.660đ; tổng cộng là 1.882.660đ.

Tổng cộng gốc lãi bà H2 có nghĩa vụ trả bà Thuý trong đây hội này là 9.085.836đ.

Như vậy, tổng số tiền gốc lãi bà H2 có nghĩa vụ trả bà Thuý trong đây hội thứ 2, thứ 3 và thứ 4 tổng cộng là 59.516.212đ, làm tròn thành 59.516.200đ. Do bà Thuý tự nguyện khấu trừ số tiền bà Thuý có nghĩa vụ trả bà H2 trong đây hội thứ 1 là 30.000.000đ nên số tiền bà H2 còn phải trả cho bà Thuý là $59.516.200đ - 30.000.000đ = 29.516.200đ$. Cho nên việc bà Thuý yêu cầu bà H2 trả số tiền nợ với số tiền 33.000.000đ là có căn cứ chấp nhận một phần.

Từ phân tích trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thuý, buộc bà H2 có nghĩa vụ trả tiền nợ hội cho bà Thuý với số tiền là 29.516.200đ; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thuý về số tiền 3.483.800đ là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm liên đới: Ông Nguyễn Văn H1 và bà Mai Thị Cẩm H2, kết hôn từ ngày 17/9/2001. Khoản tiền nợ hội phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H2 và ông H1; tại phiên toà người đại diện của ông H1 đồng ý cùng với bà H2 trả tiền nợ hội cho bà Thuý nên việc bà Thuý yêu cầu ông H1 có trách nhiệm liên đới cùng bà H2 trả tiền nợ hội là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy kháng cáo của bị đơn Mai Thị Cẩm H2 là không có cơ sở nên không được chấp nhận, cần thiết phải giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - V).

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên bà Hồng phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà H2 đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Cẩm H2

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - V).

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11, 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Thuý đối với bà Mai Thị Cẩm H2 và ông Nguyễn Văn H1 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc bà Mai Thị Cẩm H2 và ông Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị Thanh Thuý số tiền nợ hội là 29.516.200đ (hai mươi chín triệu năm trăm mười sáu ngàn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Thuý về yêu cầu bà Mai Thị Cẩm H2 và ông Nguyễn Văn H1 trả số tiền nợ hội còn lại là 3.483.800đ (ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn tám trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Mai Thị Cẩm H2 và ông Nguyễn Văn H1 phải nộp 1.475.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 1.662.000đ theo các biên lai thu số 0011688 ngày 05/11/2024 và biên lai thu số 0011836 ngày

30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ô. Còn lại 1.362.000đ hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Thanh Thuý.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Mai Thị Cầm H2 phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Mai Thị Cầm H2 đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000107 ngày 14/07/2025, số của Thi hành án dân sự tỉnh V. Bà Mai Thị Cầm H2 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- TAND khu vực 4 - V;
- Phòng THADS khu vực 4- V;
- Phòng GD, KT, TT & THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương